

UBND TỈNH HÀ TĨNH
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 730 /SXĐ -KTXD

Hà Tĩnh, ngày 04 tháng 11 năm 2011

HƯỚNG DẪN

Lập và điều chỉnh dự toán xây dựng công trình theo mức tiền lương tối thiểu vùng quy định tại Nghị định số 70/2011/NĐ-CP ngày 22/8/2011 của Chính phủ

Căn cứ Nghị định số 70/2011/NĐ-CP ngày 22/8/2011 của Chính phủ, quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và tổ chức khác của Việt Nam có thuê mướn lao động; Thông tư số 23/2011/TT-BLĐTBXH ngày 16/9/2011 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thực hiện mức lương tối thiểu vùng theo quy định tại Nghị định số 70/2011/NĐ-CP;

Căn cứ Công văn số 1730/BXD-KTXD ngày 20/10/2011 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn điều chỉnh dự toán xây dựng công trình theo mức lương tối thiểu mới từ 01/10/2011 theo quy định tại Nghị định số 70/2011/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 3181/QĐ-UBND ngày 29/9/2011 của UBND tỉnh về công bố đơn giá xây dựng, lắp đặt và khảo sát xây dựng;

Căn cứ có Công văn số 3792/UBND-XD ngày 03/11/2011 của UBND tỉnh về công bố hệ số điều chỉnh chi phí nhân công, máy thi công theo mức tiền lương tối thiểu vùng quy định tại Nghị định số 70/2011/NĐ-CP ngày 22/8/2011 của Chính phủ ,

Căn cứ các văn bản hướng dẫn về chế độ tiền lương và phụ cấp lương khác có liên quan;

Sở Xây dựng hướng dẫn áp dụng cụ thể như sau:

I. LẬP VÀ ĐIỀU CHỈNH CÁC CHI PHÍ TRONG DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH:

1. Lập và điều chỉnh chi phí trực tiếp trong dự toán xây lắp:

Các khoản chi phí trực tiếp trong dự toán chi phí xây dựng công trình lập theo đơn giá XDCT công bố kèm theo Quyết định số 3181/QĐ-UBND ngày

29/9/2011 của UBND tỉnh Hà Tĩnh, được lập và điều chỉnh theo mức lương tối thiểu vùng bằng cách nhân với hệ số điều chỉnh theo mức công bố tại Công văn số 3792/UBND-XD ngày 03/11/2011 của UBND tỉnh. Cụ thể theo bảng dưới đây:

1.1. Hệ số điều chỉnh chi phí nhân công:

TT	Vùng	Hệ số điều chỉnh (K ^{ĐC} _{NC})
1	Vùng có mức lương tối thiểu 1.400.000 đ/tháng	1,687
2	Vùng có mức lương tối thiểu 1.550.000 đ/tháng	1,867

1.2. Hệ số điều chỉnh chi phí máy thi công:

TT	Loại công trình	Hệ số điều chỉnh (K ^{ĐC} _{MTC})	
		Vùng có mức lương tối thiểu 1.400.000 đ/tháng	Vùng có mức lương tối thiểu 1.550.000 đ/tháng
1	Dân dụng và công nghiệp	1,25	1,30
2	Đường bộ	1,07	1,09
3	Công trình cầu	1,12	1,15
4	Công trình thủy lợi	1,14	1,18
5	Hạ tầng kỹ thuật	1,10	1,15
6	San nền	1,06	1,08

Ghi chú:

TỐC ĐỘ - TRÍ TUỆ - SÁNG TẠO

- Công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Tĩnh, huyện Kỳ Anh, thuộc vùng có mức lương tối thiểu 1.550.000 đ/ tháng;
- Công trình xây dựng trên các địa bàn khác trong tỉnh, thuộc vùng có mức lương tối thiểu 1.400.000 đ/ tháng.

Công trình xây dựng ở những nơi có phụ cấp khu vực hoặc được hưởng phụ cấp lưu động ở mức lớn hơn 20% hay các khoản phụ cấp khác mà chưa tính hoặc chưa tính đủ trong đơn giá hiện hành thì được bổ sung vào chi phí nhân công trong dự toán bằng cách nhân với hệ số K_{PC}. Trị số của K_{PC} căn cứ vào mức phụ cấp và nhóm lương, theo hướng dẫn ở phần phụ lục của văn bản này.

2. Điều chỉnh chi phí nhân công trong dự toán chi phí khảo sát xây dựng:

Giá trị dự toán chi phí khảo sát xây dựng trước thuế lập theo Đơn giá khảo sát xây dựng, công bố kèm theo Quyết định số 3181/QĐ-UBND ngày 29/9/2011 của UBND tỉnh, được điều chỉnh bằng cách nhân với hệ số K_{NC} theo mức phụ cấp lưu động như sau:

a) Vùng có mức lương tối thiểu 1.400.000 đ/ tháng

- Mức phụ cấp lưu động 20%: $K_{NC} = 1,687$
- Mức phụ cấp lưu động 40%: $K_{NC} = 1,788$
- Mức phụ cấp lưu động 60%: $K_{NC} = 1,889$

a) Vùng có mức lương tối thiểu 1.550.000 đ/ tháng

- Mức phụ cấp lưu động 20%: $K_{NC} = 1,867$
- Mức phụ cấp lưu động 40%: $K_{NC} = 1,979$
- Mức phụ cấp lưu động 60%: $K_{NC} = 2,091$

Đối tượng hưởng và mức hưởng phụ cấp lưu động theo hướng dẫn tại Thông tư số 05/2005/TT-BLĐTBXH ngày 05/01/2005 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

3. Các khoản chi phí tính theo tỷ lệ % trong dự toán chi phí xây dựng công trình:

Các khoản mục chi phí: Trực tiếp phí khác, chi phí chung, thu nhập chịu thuế tính trước, thuế giá trị gia tăng và chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường được tính theo tỷ lệ % qui định tại Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

Các khoản mục chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí khác tính theo quy định hiện hành.

Dự toán chi phí xây dựng công trình điều chỉnh theo chế độ tiền lương mới nêu ở Mục I trên đây, được tổng hợp cụ thể ở các Phụ lục kèm theo văn bản này.

II. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG:

Lập và điều chỉnh dự toán công trình xây dựng theo hướng dẫn ở văn bản này, áp dụng kể từ ngày 01/10/2011 đối với các công trình xây dựng sử dụng nguồn vốn Nhà nước. Các trường hợp áp dụng cụ thể như sau:

1. Những dự án đầu tư xây dựng đã lập nhưng chưa phê duyệt, thì tổng mức đầu tư phải được điều chỉnh cho phù hợp với chế độ tiền lương mới.

2. Các công trình đang lập hồ sơ thiết kế dự toán, thì các khoản mục chi phí trong dự toán công trình phải thực hiện theo hướng dẫn ở văn bản này.

3. Công trình, đã thẩm định, phê duyệt dự toán, nhưng chưa hoặc đang tổ chức đấu thầu, chỉ định thầu, nhưng chưa ký hợp đồng, chủ đầu tư điều chỉnh lại dự toán, giá gói thầu theo hướng dẫn ở văn bản này, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Đối với công trình đang thi công dở dang, việc điều chỉnh dự toán thực hiện theo nội dung hợp đồng đã cam kết và quy định có liên quan của Nhà nước. Trong trường hợp nếu công trình thực hiện theo hợp đồng trọn gói thì chủ đầu tư phải báo cáo người quyết định đầu tư xem xét quyết định việc áp dụng điều chỉnh.

5. Đối với trường hợp dự toán xây dựng công trình mà chi phí nhân công, máy thi công không lập theo các bộ Đơn giá nêu ở Điểm 1, 2. Mục I trên đây, thì căn cứ vào mức tiền lương tối thiểu đã lập trong đơn giá đó để xác định hệ số điều chỉnh cho phù hợp, chủ đầu tư báo cáo Sở Xây dựng để được hướng dẫn và thống nhất áp dụng cụ thể.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Sở Xây dựng để cùng xem xét giải quyết./.

thuat
Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/c);
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu VT, KTXD.

GIÁM ĐỐC



Trần Xuân Tiên
Trần Xuân Tiên

PHỤ LỤC 1
BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
PHẦN XÂY DỰNG

(Kèm theo văn bản hướng dẫn số: 730 /SXD-KTXD ngày 04 tháng 11 năm 2011 của Sở Xây dựng)

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	KẾT QUẢ
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP		
1	Chi phí vật liệu	$A + CL_{VL}$	VL
2	Chi phí nhân công	$B \times K_{NC} \times K_{NL} \times K_{PC}$	NC
3	Chi phí máy thi công	$C \times K_{MTC}$	M
4	Trực tiếp phí khác	$(VL+NC+M) \times$ tỷ lệ quy định	TTK
	Cộng chi phí trực tiếp	$VL + NC + M + TTK$	T
II	CHI PHÍ CHUNG	$T \times P$	CPC
	GIÁ THÀNH DỰ TOÁN XÂY DỰNG	$T + CPC$	Z
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	$Z \times$ tỷ lệ qui định	TL
	Giá trị dự toán xây dựng trước thuế	$(Z + TL)$	G
IV	Thuế giá trị gia tăng đầu ra	$G \times T_{GTGT}$	VAT
	GIÁ TRỊ DỰ TOÁN XÂY DỰNG SAU THUẾ	$G + VAT$	$G_{XD\text{CP}}$ T
	Chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công	$G \times$ tỷ lệ qui định $\times 1,1$	$G_{XD\text{LT}}$

Trong đó :

A : Là tổng giá trị chi phí vật liệu tính theo khối lượng công trình và đơn giá vật liệu trong Đơn giá xây dựng công trình - Phần Xây dựng công bố kèm theo Quyết định số 3181/QĐ-UBND ngày 29/9/2011 của UBND tỉnh (gọi tắt là Đơn giá XD);

B : Là tổng giá trị chi phí nhân công tính theo khối lượng công trình và đơn giá nhân công trong Đơn giá XD;

C : Là tổng giá trị chi phí máy thi công tính theo khối lượng công trình và đơn giá máy thi công trong Đơn giá XD;

CL_{VL} : Giá trị chênh lệch giá vật liệu trong Đơn giá XD và giá vật liệu đến chân công trình ở thời điểm tính toán;

K_{NC}: Hệ số điều chỉnh chi phí nhân công nêu tại Điểm 1, Mục I trên đây;

K_{NL}: Hệ số điều chỉnh theo nhóm lương qui định tại bảng lương A.1 nhóm ngành XDCB ban hành kèm theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ so với mức lương của nhóm I. Hệ số cụ thể như sau:

- + Với nhóm I, K_{NL} = 1
- + Với nhóm II, K_{NL} = 1,062;
- + Với nhóm III K_{NL} = 1,17.

K_{PC}: Hệ số điều chỉnh chi phí nhân công do công trình xây dựng ở nơi có phụ cấp lớn hơn mức đã tính trong đơn giá được tính như sau:

$$K_{PC} = 1 + K \times K_n ;$$

Trong đó:

- K: là hệ số phụ cấp theo quy định hiện hành.
- K_n là hệ số quan hệ giữa tiền lương trong đơn giá và tiền lương tối thiểu, phụ thuộc vào từng nhóm lương, mức cụ thể như sau:

- + Với nhóm I, K_n = 0,316;
- + Với nhóm II, K_n = 0,297;
- + Với nhóm III K_n = 0,27;

K_{MTC} : Hệ số điều chỉnh chi phí máy thi công theo loại hình công trình nêu tại Điểm 1, Mục I trên đây;

P : Là định mức chi phí chung (%);

T_{GTGT} : Mức thuế suất thuế giá trị gia tăng cho công tác xây dựng. Theo qui định hiện hành, T_{GTGT} = 10%;

Định mức chi phí chung và thu nhập chịu thuế tính trước theo qui định tại Bảng 3.8 ban hành kèm theo Thông tư 04/2010/TT-BXD của Bộ Xây dựng.

Tỷ lệ tính chi phí lán trại tạm ở công trường theo hướng dẫn tại Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng. Đối với các công trình có qui mô lớn, phức tạp, chi phí xây dựng lán trại tại hiện trường theo tỷ lệ nêu trên nếu không phù hợp thì chủ đầu tư lập và phê duyệt dự toán chi phí riêng.

PHỤ LỤC 2
BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
PHẦN LẤP ĐẶT

(Kèm theo văn bản hướng dẫn số: 730 /SXD-KTXD ngày 04 tháng 11 năm 2011 của Sở Xây dựng)

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	KẾT QUẢ
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP		
1	Chi phí vật liệu	$A + CL_{VL}$	VL
2	Chi phí nhân công	$B \times K_{NC} \times K_{PC}$	NC
3	Chi phí máy thi công	$C \times K_{MTC}$	M
4	Trực tiếp phí khác	$(VL+NC+M) \times \text{tỷ lệ quy định}$	TTK
	Cộng chi phí trực tiếp	$VL + NC + M + TTK$	T
II	CHI PHÍ CHUNG	$T \times P$	CPC
	GIÁ THÀNH DỰ TOÁN LẤP ĐẶT	$T + CPC$	Z
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	$Z \times \text{tỷ lệ quy định}$	TL
	Giá trị chênh lệch của đường ống dẫn và phụ kiện (nếu có)	Theo bảng tính bù chi tiết	BO
	Giá trị dự toán lấp đặt trước thuế	$(Z + TL + BO)$	G
IV	Thuế giá trị gia tăng đầu ra	$G \times T_{GTGT}$	VAT
	GIÁ TRỊ DỰ TOÁN LẤP ĐẶT SAU THUẾ	$G + VAT$	$G_{LĐCPT}$
	Chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công	$G \times \text{tỷ lệ quy định} \times 1,1$	G_{XDLT}

Trong đó :

A : Là tổng giá trị chi phí vật liệu tính theo khối lượng công trình và đơn giá vật liệu trong Đơn giá xây dựng công trình - Phần Lắp đặt công bố kèm theo Quyết định số 3181/QĐ-UBND ngày 29/9/2011 của UBND tỉnh (gọi tắt là Đơn giá LD);

B : Là tổng giá trị chi phí nhân công tính theo khối lượng công trình và đơn giá nhân công trong Đơn giá LD;

C : Là tổng giá trị chi phí máy thi công tính theo khối lượng công trình và đơn giá máy thi công trong Đơn giá LĐ;

CL_{VL} : Giá trị chênh lệch giá vật liệu trong Đơn giá LĐ và giá vật liệu đến chân công trình ở thời điểm tính toán;

K_{NC}: Hệ số điều chỉnh chi phí nhân công nêu tại Điểm 1, Mục I trên đây;

K_{PC}: Hệ số điều chỉnh chi phí nhân công do công trình xây dựng ở nơi có phụ cấp lớn hơn mức đã tính trong đơn giá được tính như sau:

$$K_{PC} = 1 + K \times K_n ;$$

Trong đó:

- K: là hệ số phụ cấp theo quy định hiện hành.
- K_n = 0,297;

K_{MTC} : Hệ số điều chỉnh chi phí máy thi công theo loại hình công trình nêu tại Điểm 1, Mục I trên đây;

P : Là định mức chi phí chung (%);

BO: Là giá trị chênh lệch của đường ống dẫn và phụ kiện (nếu có), khi công trình có sử dụng đường ống dẫn và phụ kiện có đường kính ống D > 600 với ống dẫn nước; D > 400 với ống dẫn dầu, khí và D > 800 với ống bê tông.

T_{GTGT} : Mức thuế suất thuế giá trị gia tăng cho công tác lắp đặt xây dựng. Theo qui định hiện hành, T_{GTGT} = 10%;

Định mức chi phí chung và thu nhập chịu thuế tính trước theo qui định tại Bảng 3.8 ban hành kèm theo Thông tư 04/2010/TT-BXD của Bộ Xây dựng.

Tỷ lệ tính chi phí lán trại tạm ở công trường theo hướng dẫn tại Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng. Đối với các công trình có qui mô lớn, phức tạp, chi phí xây dựng lán trại tại hiện trường theo tỷ lệ nêu trên nếu không phù hợp thì chủ đầu tư lập và phê duyệt dự toán chi phí riêng

PHỤ LỤC 3
BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
PHẦN KHẢO SÁT XÂY DỰNG

(Kèm theo văn bản hướng dẫn số: 730 /SXD-KTXD ngày 04 tháng 11 năm 2011 của Sở Xây dựng)

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	KẾT QUẢ
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP		
1	Chi phí vật liệu	$A + CL_{VL}$	VL
2	Chi phí nhân công	$B \times K_{NC} \times K_{PC}$	NC
3	Chi phí máy thi công	$C \times K_{MTC}$	M
	Cộng chi phí trực tiếp	$VL + NC + M$	T
II	CHI PHÍ CHUNG	$NC \times P$	CPC
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	$(T+CPC) \times 6\%$	TL
	GIÁ THÀNH DỰ TOÁN KHẢO SÁT XÂY DỰNG	$T + CPC + TL$	Z
	Chi phí lập phương án và báo cáo kết quả	$Z \times 5\%$	PB
	Chi phí chỗ ở tạm thời	$Z \times 5\%$	LT
	Giá trị dự toán khảo sát trước thuế	$(Z + PB + LT)$	G
IV	Thuế giá trị gia tăng đầu ra	$G \times T_{GTGT}$	VAT
	GIÁ TRỊ DỰ TOÁN KHẢO SÁT SAU THUẾ	$G + VAT$	G_{KSXĐ}

Trong đó :

A : Là tổng giá trị chi phí vật liệu tính theo khối lượng công việc và đơn giá vật liệu trong Đơn giá xây dựng công trình - Phần Khảo sát xây dựng công

bổ kèm theo Quyết định số 3181/QĐ-UBND ngày 29/9/2011 của UBND tỉnh h (gọi tắt là Đơn giá KS);

B : Là tổng giá trị chi phí nhân công tính theo khối lượng công việc và đơn giá nhân công trong Đơn giá KS;

C : Là tổng giá trị chi phí máy thi công tính theo khối lượng công việc và đơn giá máy thi công trong Đơn giá KS;

CL_{VL} : Giá trị chênh lệch giá vật liệu trong Đơn giá KS và giá vật liệu đến chân công trình ở thời điểm tính toán;

K_{NC} : Hệ số điều chỉnh chi phí nhân công theo mức phụ cấp lưu động nêu tại Điểm 2, Mục I trên đây;

K_{PC} : Hệ số điều chỉnh chi phí nhân công do công trình xây dựng ở nơi có phụ cấp lớn hơn mức đã tính trong đơn giá được tính như sau:

$$K_{PC} = 1 + K \times K_n ;$$

Trong đó:

- K: là hệ số phụ cấp theo quy định hiện hành.
- $K_n = 0,297$;

K_{MTC} : Hệ số điều chỉnh chi phí máy thi công ở vùng khó khăn theo qui định hiện hành.

TỐC ĐỘ - TRÍ TUỆ - SÁNG TẠO

P : Là định mức chi phí chung của công tác khảo sát tính bằng 70%;

T_{GTGT} : Mức thuế suất thuế giá trị gia tăng cho công tác khảo sát xây dựng. Theo qui định hiện hành, $T_{GTGT} = 10\%$;